TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2024/DS-ST
Ngày: 30 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Út
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: Số A, T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Long G – chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số C, Hòa Bình, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông G ủy quyền lại cho: Ông Trần Xuân A – chức vụ: Phó Trưởng phòng

Địa chỉ: Số C, V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số D, Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Đăng ký thường trú: Tổ 14, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân A trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần N (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Ngọc P có ký kết 01 hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V và yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 1098/VCBCT.PGD.AH ngày 16/12/2020. Số tiền vay 100.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và bị đơn đã nhận số tiền vay theo giấy nhận nợ số 1098 ngày 16/12/2020.

- Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V và yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ tín dụng. Loại thẻ phát hành Visa Card, hạn mức 30.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu phát hành thẻ đã ký kết, nên khoản nợ đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/12/2021. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng. Bị đơn còn không hợp tác, không trả nợ, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xem xét, giải quyết:

- Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 1098/VCBCT.PGD.AH ngày 16/12/2020 cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 là 114.776.348 đồng, trong đó: Nợ gốc là 81.663.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.342.942 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.770.406 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi bị đơn trả tất nợ theo hợp đồng.

- Buộc ông Nguyễn Hồng L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/6/2019 cho Ngân hàng, với tổng số tiền

tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 là 113.860.202 đồng, trong đó: Nợ gốc là 29.622.757 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.350.020 đồng, phí thẻ tín dụng là 68.887.425 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn Hồng L trả tất nợ theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/6/2019.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Ngọc P không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ cho các bị đơn nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có mặt tại tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không trình bày thêm ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, bởi lẽ bị đơn đã thực hiện việc ký kết Hợp đồng tín dụng và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng với Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Ngọc P trả số tiền vay là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Nguyễn Hồng L hiện đang cư trú tại huyện C, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng: Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn và Giấy nhận nợ ngày 16/12/2020 đã ký kết giữa ông L, bà P với Ngân hàng thương mại cổ phần N, xác định được ông L, bà P có nhận giải ngân từ Ngân hàng số tiền vay là 100.000.000đồng, có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 12%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ khoản nợ của bị đơn đã chuyển thành nợ quá hạn. Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên giao kết. Thỏa thuận mức lãi suất của các bên không phụ thuộc vào Bộ luật dân sự mà được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với bị đơn, đã được thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp được chứng cứ về việc đến thời điểm hiện tại đã trả xong khoản nợ cho Ngân hàng. Bị đơn cũng không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ mà Ngân hàng cung cấp. Do đó, đây được xem là tình tiết, sự kiện, tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 114.776.348 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi bị đơn trả tất nợ theo hợp đồng đã ký là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi của thẻ tín dụng: Căn cứ Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 20/6/2019 và yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ tín dụng ngày 21/6/2021 đã ký kết giữa ông L với Ngân hàng thương mại cổ phần N, xác định được ông L có mở tài khoản thẻ tín dụng số

V0110003953, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, mã số khách hàng 06415333, có thỏa thuận lãi, loại phí, mức phí phát sinh khi thực hiện giao dịch qua thẻ với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ khoản nợ của bị đơn đã chuyển thành nợ quá hạn. Xét thấy, yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế giữa Ngân hàng và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên giao kết. Thỏa thuận mức lãi suất của các bên không phụ thuộc vào Bộ luật dân sự mà được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với ông L, đã được thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp được chứng cứ về việc đến thời điểm hiện tại đã trả xong khoản nợ cho Ngân hàng. Bị đơn cũng không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ là yêu cầu phát hành thẻ tín dụng mà Ngân hàng cung cấp. Do đó, đây được xem là tình tiết, sự kiện, tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 113.860.202 đồng, trong đó: Nợ gốc là 29.622.757 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.350.020 đồng, phí thẻ tín dụng là 68.887.425 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn Hồng L trả tất nợ theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/6/2019 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 280, 352, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Ngọc P.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Ngọc P phải trả cho đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2024 là 114.776.348 đồng, trong đó: Nợ gốc là 81.663.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.342.942 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.770.406 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi ông L, bà P trả tất nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 1098/VCBCT.PGD.AH ngày 16/12/2020.

3. Buộc ông Nguyễn Hồng L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 là 113.860.202 đồng, trong đó: Nợ gốc là 29.622.757 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.350.020 đồng, phí thẻ tín dụng là 68.887.425 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi ông Nguyễn Hồng L trả tất nợ theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/6/2019.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Ngọc P phải chịu là 2.869.408 đồng đối với nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng.

- Ông Nguyễn Hồng L phải chịu là 2.846.505 đồng đối với nghĩa vụ trả nợ của thẻ tín dụng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 4.700.000đồng theo Biên lai thu số 0004546 ngày 15 tháng 5 năm 2024.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên